TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2020/DS-ST
Ngày: 01-9-2020
Về việc tranh chấp kiện đòi tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp kiện đòi tiền".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thái Nam A**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:*

1. Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1977 (Có mặt).

2. Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Trọng B**, sinh năm 1981 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, bản tự khai, lời khai của chị Thái Nam A trình bày:

Do có quan hệ quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn Q chị Trần Thị T nên khi vợ chồng anh Q chị T có nhu cầu vay tiền lấy vốn kinh doanh thì chị đã đồng ý. Trong khoảng thời gian cuối năm 2019, đầu năm 2020, vợ chồng anh Q, chị T đã vay tiền chị nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 08/10/2019 (dương lịch), chị T vay của chị số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để lấy vốn làm ăn. Hai bên có lập thành giấy biên nhận và chị T có ký tên vào giấy này.

- Lần 2: Ngày 15/01/2020 (dương lịch), chị T vay của chị số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để lấy vốn làm ăn. Hai bên có lập thành giấy biên nhận và chị T có ký tên vào giấy này.

- Lần 3: Ngày 25/02/2020 (âm lịch), anh Q vay của chị số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để lấy vốn làm ăn. Hai bên có lập thành giấy biên nhận và anh Q có ký tên vào giấy này.

Trong những lần vay tiền này, hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào chị có nhu cầu cần tiền thì anh Q, chị T phải trả nợ cho chị. Đến nay, anh Q chị T chưa trả được chị bất cứ khoản tiền nợ gốc nào.

Do có nhu cầu sử dụng số tiền trên, chị đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Q chị T phải trả lại chị số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* là tiền gốc.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh xác nhận vợ chồng anh có vay tiền của chị Thái Nam A nhiều lần, tổng cộng số tiền đã vay là 300.000.000 đồng. Cụ thể các lần vay như chị Thái Nam A trình bày là đúng. Nay chị Thái Nam A khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng thì anh nhất trí trả nợ cho chị Thái Nam A, tuy nhiên hiện nay vợ chồng anh chưa có điều kiện trả nợ ngay, đề nghị được trả dần đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2020, bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị xác nhận vợ chồng chị có vay tiền của chị Thái Nam A nhiều lần, tổng cộng số tiền đã vay là 300.000.000 đồng. Nay chị Thái Nam A khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng thì chị nhất trí trả nợ cho chị Thái Nam A, tuy nhiên hiện nay vợ chồng chị chưa có điều kiện trả nợ, đề nghị được trả dần đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 07/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng B trình bày:

Anh và chị Thái Nam A có quan hệ quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T. Do có quen biết từ trước nên vợ chồng anh Q, chị T nhiều lần đến nhà anh để vay tiền. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến đầu năm

2020, vợ chồng anh Q, chị T đã vay chị Thái Nam A tổng cộng 300.000.000 đồng. Chị Nam A là người cho anh Q, chị T vay tiền, anh cũng nhất trí. Nguồn gốc số tiền 300.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng anh. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Nam A, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Q chị T phải trả lại chị Nam A 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Thái Nam A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T phải thanh toán cho chị Thái Nam A số tiền nợ gốc là 300.00.000 đồng. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q xác nhận vợ chồng anh còn nợ chị Thái Nam A số tiền 300.000.000 đồng. Anh nhất trí trả nợ cho chị Nam A, tuy nhiên hiện nay anh chưa có khả năng trả nợ, đề nghị được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Trần Thị T vắng mặt tại phiên hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Nam A. Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị T phải trả cho chị Thái Nam A số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Thời gian trả nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực và bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án.

- Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Thái Nam A số tiền tạm ứng án phí mà chị Nam A đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Thái Nam A khởi kiện anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T về việc thanh toán khoản tiền vay 300.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 08/10/2019 (dương lịch), ngày 15/01/2020 (dương lịch) và ngày 25/02/2020 (âm lịch). Anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T có nơi cư trú là tổ dân phố Dốc

Đồn, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án quan hệ tranh chấp kiện đòi tiền thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn là chị Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trọng B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Bình.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện do cần tiền để chi tiêu và sử dụng vào mục đích công việc nên anh Trần Văn Quân, chị Trần Thị T đã đặt vấn đề vay tiền của chị Thái Nam A. Việc vay mượn giữa các bên là tự nguyện thỏa thuận, khi vay có làm giấy vay tiền. Giấy vay tiền do anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T trực tiếp ký, ghi rõ họ tên.

Nay chị Thái Nam A đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T phải trả chị số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T cũng thừa nhận có vay nợ của chị Thái Nam A và nhất trí trả chị Thái Nam A số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng. Vì điều kiện kinh tế khó khăn do tình trạng dịch bệnh nên anh chị chưa có khả năng trả nợ ngay cho chị Nam A.

Hội đồng xét xử xét thấy giấy biên nhận vay tiền các ngày 08/10/2019 (dương lịch), 15/01/2020 (dương lịch) và ngày 25/02/2020 (âm lịch) ký kết giữa chị Nam A và vợ chồng anh Q, chị T là hợp pháp. Do đó có đủ căn cứ để xác định vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T có vay của chị Thái Nam A tổng số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Nam A đối với anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T. Buộc anh Nguyễn Văn Q, chị Trần Thị T phải trả cho chị Thái Nam A số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Thái Nam A được chấp nhận, nên bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Thái Nam A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Nam A: Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Thái Nam A số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị T phải chịu 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Thái Nam A số tiền 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0001361 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường